

Số: 334/QĐ-ĐHHL

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số
thuộc hộ nghèo và cận nghèo, học kỳ II, năm học 2021-2022**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

Căn cứ Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Liên bộ Giáo dục và đào tạo-Bộ Tài chính; Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Hạ Long; Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc kiện toàn cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Hạ Long;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Chính trị, Quản lý và Hỗ trợ sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và cận nghèo, học kỳ II năm học 2021-2022 đối với 07 (bảy) sinh viên, với tổng số tiền là 31.290.000 đồng (Ba mươi một triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Mức hỗ trợ/sinh viên/tháng: 894.000 đồng (bằng 60% mức lương cơ sở)

Số tháng được hưởng: 05 tháng

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Trưởng các phòng: Công tác Chính trị, Quản lý và Hỗ trợ sinh viên; Kế hoạch - Tài chính; các khoa có sinh viên được hưởng chế độ và những sinh viên có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- HT và các phó HT;
- Như Điều 2 (thực hiện);
- Lưu VT; CTSV.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**


Trần Trung Vỹ



UBND TỈNH QUẢNG NINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

**DANH SÁCH SINH VIÊN LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ THUỘC HỘ NGHÈO VÀ CẬN NGHÈO
ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP (HỌC KÌ II NĂM HỌC 2021-2022)**
(Kèm theo Quyết định số 334 /ĐHHL, ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hạ Long)

Stt	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức hỗ trợ/tháng (đ)	Số tiền được hỗ trợ/ 5 tháng (đ)
1	2	3	4	5	6	7=6*5 tháng
1	Phùng Thị Quỳnh	31/08/2001	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K5B	DT Tày - ĐBKK, hộ cận nghèo 2022	894.000	4.470.000
2	Tô Thị Hương	04/04/2001	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K5C	DT Tày - ĐBKK, hộ cận nghèo 2022	894.000	4.470.000
3	Mã Đình Hoàn	30/04/2002	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K7A	DT Tày - ĐBKK, hộ nghèo 2022	894.000	4.470.000
4	Đình Thị Kiều Trinh	26/08/2003	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K7H	DT Tày - Hộ nghèo 2022	894.000	4.470.000
5	Lương Thị Vân	02/04/2001	ĐH QTDV DL & Lữ hành K5B	DT Thái - ĐBKK, hộ nghèo 2022	894.000	4.470.000
6	Vì Thị Mai Anh	20/12/2001	ĐH QT DV Ăn uống K2B	DT Tày - ĐBKK, cận nghèo 2022	894.000	4.470.000
7	Ma Văn Pao	26/07/2000	ĐH QLVHK7	DT Tày - ĐBKK, cận nghèo 2022	894.000	4.470.000
Tổng						31.290.000

Bằng chữ: Ba mươi một triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn./.